

Số: 1409 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 20 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
dự án “Xây dựng nhà máy nước sạch Hiệp Hòa”**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 818/TTr-TNMT ngày 18/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Xây dựng Nhà máy nước sạch Hiệp Hòa” (sau đây gọi là dự án) của Công ty Cổ phần Xây dựng và CN Môi trường Việt Nam (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại thôn Hưng Đạo và thôn Yên Ninh, xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức

1. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định¹: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án; về kết quả thẩm định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án tại Điều 1 Quyết định này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

¹ Thành lập theo Quyết định số 1076/QĐ-TNMT ngày 24/10/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Y tế, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Khoa học và Công nghệ; UBND huyện Hiệp Hòa, UBND xã Đông Lỗ, Cổ phần Xây dựng và CN Môi trường Việt Nam và tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Chủ dự án (*trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công*);
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
 - + Công thông tin điện tử tỉnh;
 - + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
 - + Lưu: VT, KTN Việt Anh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Ô Pích

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
DỰ ÁN “ XÂY DỰNG NHÀ MÁY NƯỚC SẠCH HIỆP HÒA”
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Xây dựng Nhà máy nước sạch Hiệp Hòa
- Địa điểm thực hiện: Thôn Hưng Đạo và thôn Yên Ninh, xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang
- Chủ dự án: Công ty Cổ phần Xây dựng và CN Môi trường Việt Nam.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất.

- Phạm vi đầu tư: Dự án được thực hiện tại thôn Hưng Đạo và thôn Yên Ninh, xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang với diện tích 5.728,6 m².
- Quy mô, công suất của dự án: Đầu tư xây dựng nâng công suất nhà máy nước sạch Hiệp Hòa từ 9.000 m³/ngày đêm lên 18.000 m³/ngày đêm trên diện tích 5.728,6 m² bao gồm các hạng mục công trình:

+ Các công trình hiện trạng đã xây dựng, lắp đặt được giữ nguyên: Cụm xử lý lắng lọc số 1, nhà trạm bơm cấp II; sân phơi bùn, bể chứa bùn số 1; nhà hoá chất, bể chứa nước sạch số 1; trạm biến áp; cột còi; trạm bơm cấp 1.

+ Các hạng mục công trình cải tạo nâng cấp: Nhà điều hành

+ Các hạng công trình xây, lắp đặt mới: Cụm xử lý lắng lọc số 2; bể chứa nước sạch số 2; bể chứa nước sạch số 3; Cụm xử lý lắng lọc số 3, 4; Sân phơi bùn, bể chứa bùn số 2;

1.3. Công nghệ sản xuất của dự án:

Nước mặt từ sông Cầu sau khi được bơm về trạm xử lý sẽ lần lượt được đi qua các bể xử lý, chức năng của từng bể trong dây chuyền được mô tả như sau:

Nước thô từ sông Cầu → Trạm bơm nước thô (trạm bơm cấp 1) → Cấp trộn dung dịch keo tụ theo cơ chế inzecter → Ngăn phản ứng tạo bông → Bể lắng kết hợp tấm lắng lamen → Thiết bị lọc tự rửa → Cấp trộn Clorine khử trùng nước → Bể chứa nước sạch → Trạm bơm nước sạch (trạm bơm cấp 2) → Mạng đường ống cấp nước sạch.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1.3.1. Các hạng mục công trình của dự án đầu tư gồm:

| TT | Loại đất | Diện tích | Tầng cao | Ghi chú |
|-----|--|-------------------|----------|---------|
| | | (m ²) | (Tầng) | |
| A | Đất nhà máy | | | |
| I | Đất công trình | 1.704 | | |
| I.1 | Công trình hiện trạng đã xây dựng được giữ | 627 | 1 | |

| TT | Loại đất | Diện tích | Tầng cao | Ghi chú |
|------------|--|-------------------|----------|---|
| | | (m ²) | (Tầng) | |
| | nguyên | | | |
| 1 | Cụm xử lý lắng lọc số 1 | 143 | 1 | Đã xây dựng |
| 2 | Nhà trạm bơm cấp II | 136 | 1 | Đã xây dựng |
| 3 | Sân phơi bùn , bể chứa bùn số 1 | 60 | 1 | Đã xây dựng |
| 4 | Nhà hoá chất | 50 | 1 | Đã xây dựng |
| 5 | Bể chứa nước sạch số 1 | 201 | 1 | Đã xây dựng |
| 6 | Trạm biến áp | 18 | | Đã xây dựng |
| 7 | Cột cờ | 19 | | Đã xây dựng |
| I.2 | Công trình xây mới | 945 | 1 | |
| 1 | Cụm xử lý lắng lọc số 2 | 143 | 1 | Xây mới (thuộc giai đoạn 1 của nhà máy, tuy nhiên giai đoạn 1 chưa xây dựng nên sẽ thực hiện xây dựng mới trong giai đoạn nâng công suất) |
| 2 | Bể chứa nước sạch số 3 | 249 | 1 | Xây mới |
| 3 | Cụm xử lý lắng lọc số 3, 4 | 276 | 1 | Xây mới |
| 4 | Sân phơi bùn, bể chứa bùn số 2 | 76 | 1 | Xây mới |
| 5 | Bể chứa nước sạch số 2 | 201 | 1 | Thuộc giai đoạn 1 của nhà máy, tuy nhiên giai đoạn 1 chưa xây dựng nên sẽ thực hiện xây dựng mới trong giai đoạn nâng công suất |
| I.3 | Công trình cải tạo nâng cấp | 132 | 2 | |
| 1 | Nhà điều hành | 132 | 2 | Cải tạo từ 01 tầng thành 02 tầng |
| II | Đất cây xanh | 2006 | | |
| III | Đất giao thông | 1.641,8 | | |
| | Tổng Diện tích Đất nhà máy nước (A) | 5.351,8 | | |
| B | Đất công trình thu nước đã được xây dựng và giữ nguyên hiện trạng | | | Không mở rộng diện tích. Cải tạo hệ thống chắn rác (đối với công trình thu nước), lấp đất |
| I | Trạm bơm cấp 1 – Hiện trạng | 53 | | |

| TT | Loại đất | Diện tích | Tầng cao | Ghi chú |
|----|---|-------------------|----------|---|
| | | (m ²) | (Tầng) | |
| II | Đất trồng chừa và hành lang bảo vệ | 323,8 | | thêm bơm (đối với trạm bơm), lắp đặt thêm tuyến dẫn nước thô D500 về cụm bể xử lý (đối với tuyến dẫn) |
| | Tổng B | 376,8 | | |
| | Tổng Đất dự án (A+B) | 5.728,6 | | |

1.3.2. Hoạt động của dự án đầu tư:

- Hoạt động thi công xây dựng và lắp đặt các hạng mục công trình mới của dự án.

- Hoạt động vận hành dự án.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án thực hiện trên diện tích hiện có, không mở rộng quy mô; không thuộc đối tượng có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình:

+ Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng và vận chuyển chất thải xây dựng qua bãi thải; từ quá trình bốc dỡ, lưu trữ vật liệu xây dựng (cát, sỏi, xi măng,...); từ hoạt động của các phương tiện, máy móc thi công xây dựng (máy đầm, máy đào, máy ủi, máy san, máy trộn bê tông, đầm cóc...); từ quá trình hàn, sơn; từ quá trình vệ sinh công trường sau thi công.

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân trên công trường; nước thải thi công và nước mưa chảy tràn trên bề mặt dự án.

+ Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng; chất thải rắn xây dựng; chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công, xây dựng.

- Hoạt động của nhà máy hiện hữu:

+ Nước thải sinh hoạt của cán bộ nhân viên; nước thải từ quá trình sản xuất của nhà máy hiện hữu.

+ Chất thải sinh hoạt của cán bộ nhân viên; chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành của nhà máy.

2.2. Giai đoạn vận hành

*. Nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình hoạt động của cán bộ, công nhân lao động làm việc tại nhà máy.

- Nước thải xả rửa bể lọc.
- Nước thải sau khi lắng bùn tại bể lắng bùn tại bể lắng bùn và nước rỉ từ sân phơi bùn.
- Nước thải súc rửa đường ống truyền tải
- *. Nước mưa chảy tràn trên bề mặt sân, đường dự án kéo theo các chất bẩn.
- *. Bụi, khí thải:
 - Bụi và khí thải từ phương tiện giao thông, phương tiện vận chuyển nguyên, vật liệu sản phẩm ra vào Nhà máy. Thông số ô nhiễm chính: Bụi, NO_x, SO₂, CO...
 - Khí thải từ máy phát điện.
 - Mùi hôi từ thùng chứa rác sinh hoạt...
 - *. Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ, công nhân làm việc tại dự án và chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình vận hành tại nhà máy; bùn bể tự hoại; Chất thải từ quá trình sản xuất nước của nhà máy: Vật liệu lọc, bùn thải từ quá trình xử lý.
 - *. Các sự cố: Tai nạn lao động; rò rỉ hoá chất; chập điện, cháy nổ, hỏng hóc máy móc; thất thoát và rò rỉ trong đường ống nước thô và đường ống cấp nước; Sự cố trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước cấp của nhà máy...

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Giai đoạn thi công

3.1.1. Nước thải, khí thải

** Nước thải:*

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của 20 công nhân xây dựng trên công trường khoảng 0,9 m³/ngày.đêm; thông số ô nhiễm: Chất rắn lơ lửng (SS), BOD₅, COD, nitơ (N), phốt pho (P), Coliform;...
- Nước thải xây dựng: 2-3m³/ngày
- Nước thải từ hoạt động rửa xe: 0,5 – 1m³/ngày
- Nước mưa chảy tràn trên khu vực thi công xây dựng kéo theo đất, cát, chất cặn bã, dầu mỡ xuống cống thoát nước xung quanh, gây bồi lắng, tắc nghẽn cục bộ. Thông số ô nhiễm đặc trưng là COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS)...

** Bụi, khí thải:*

- Bụi từ quá trình đào đắp
- Bụi, khí thải từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu; thiết bị máy móc sản xuất. Thành phần khí thải: Bụi, CO, SO₂, NO_x...
- Bụi cuốn lên từ mặt đường trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu.
- Bụi, khí thải từ hoạt động đốt cháy nhiên liệu của máy móc thiết bị thi công: Thông số đặc trưng là CO, SO₂, NO₂, Bụi, VOC...
- Khí thải từ công đoạn hàn: Khí thải từ công đoạn hàn: Thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, NO_x, khói hàn,....;

3.1.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động công nhân trên công trường khối lượng dự báo lớn nhất khoảng 2,5kg/ngày trong thời gian thi công (khoảng 260 ngày). Thành phần chủ yếu gồm: Vỏ đồ hộp, giấy báo, bao bì, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn....

- Chất thải rắn xây dựng như vật liệu thừa, đất đá do xây dựng, nguyên vật liệu rơi vãi, vỏ bao xi măng, cốt pha hỏng, gạch đá, vật liệu rơi vãi,... phát sinh khoảng 1.207,96 tấn trên cả quá trình xây dựng.

- Khối lượng đất đào thi công các hạng mục công trình tại nhà máy và thi công đường ống truyền tải phân phối nước sạch khoảng 16.714,5m³

- Chất thải nguy hại phát sinh như: dầu mỡ rơi vãi, giẻ lau dính dầu mỡ, vỏ thùng sơn,...phát sinh khoảng 18kg/tháng.

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của các phương tiện, máy móc thiết bị xây dựng, thi công các hạng mục công trình dự án. Quy chuẩn áp dụng: QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về về Tiếng ồn.

3.1.4. Các tác động khác

- Tác động đến kinh tế - xã hội khu vực: tác động đến môi trường do tập trung lực lượng lao động, mâu thuẫn giữa công nhân thi công với cán bộ, công nhân đang làm việc tại nhà máy cũng như dân cư xung quanh, khả năng truyền nhiễm bệnh, ...

- Tác động do sự cố như: Sự cố tai nạn lao động; sự cố tai nạn giao thông; sự cố cháy nổ, chập điện; sự cố ngập úng; sự cố về thiên tai,...

3.2. Giai đoạn vận hành

3.2.1. Nước thải, khí thải

- Nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình hoạt động của cán bộ, công nhân lao động làm việc tại dự án khoảng 0,225 m³/ngày. Thông số ô nhiễm: chất rắn lơ lửng (SS), BOD₅, COD, nitơ (N), phốt pho (P), coliform...

+ Nước thải xả rửa bể lọc khoảng 40-60m³/lần xả (khoảng 2-3 ngày/lần xả): không xả ra môi trường.

+ Nước thải sau khi lắng bùn tại bể lắng bùn tại bể lắng bùn và nước rỉ từ sân phơi bùn khoảng 40m³/lần xả (khoảng 2 tuần/lần xả), không xả ra môi trường.

+ Nước thải súc rửa đường ống truyền tải khoảng 120 – 160 m³/lần xả (khoảng 2-3 lần/năm), được xả vào mương thoát nước của khu vực thôn Hưng Đạo, xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa.

- Nước mưa chảy tràn khu vực nhà máy với lưu lượng khoảng 1,25*10⁻⁵ m³/s.

- Bụi, khí thải:

+ Bụi và khí thải từ phương tiện giao thông, phương tiện vận chuyển nguyên, vật liệu hoá chất ra vào Nhà máy. Thông số ô nhiễm chính: Bụi, NO_x , SO_2 , CO ...

+ Khí thải từ máy phát điện.

+ Mùi hôi từ thùng chứa rác sinh hoạt với thông số ô nhiễm đặc trưng là NH_3 , H_2S , CO_2 , CH_4 ...

3.2.2. Chất thải rắn

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ, công nhân làm việc tại dự án với khối lượng khoảng 6 kg/ngày; bùn thải từ bể tự hoại với khối lượng khoảng 240kg/năm; Vật liệu lọc thải khoảng 120m³/3-5 năm và bùn thải từ quá trình xử lý nước cấp khoảng 120 – 140 kg/ngày.

- Chất thải nguy hại: phát sinh tại dự án với khối lượng khoảng 130kg/năm trong quá trình vận hành toàn dự án, thành phần chính gồm: Mực thải, hộp mực thải, các thiết bị linh kiện điện tử thải, than hoạt tính, bóng đèn led...

3.2.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ phương tiện giao thông ra vào dự án; từ các máy móc, thiết bị phục vụ quá trình xử lý nước của nhà máy, từ máy phát điện...

3.2.4. Các tác động khác

- Tác động đến kinh tế - xã hội, các đối tượng khai thác nước trong khu vực, tác động đến quá trình khai thác trữ lượng nguồn nước và tài nguyên sinh vật, hệ sinh thái dưới sông Cầu.

- Tác động do sự cố cháy nổ, chập điện, hỏng hóc máy móc; sự cố do thiên tai; tai nạn lao động; sự cố hóa chất...

4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý khí thải, nước thải

4.1.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

* Nước thải sinh hoạt

Xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt hiện trạng của nhà máy: nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý qua bể tự hoại cải tiến 3 ngăn bastaf có dung tích 5m³ và được lưu chứa tại ngăn cuối cùng và định kỳ 6 tháng/lần, chủ dự án thuê đơn vị có chức năng đến hút đem đi xử lý.

* Nước thải xây dựng

- Quy hoạch thành một khu chứa và trộn nguyên vật liệu trong suốt quá trình thi công. Chủ dự án bố trí bãi chứa nguyên liệu (gồm: cát, sỏi, xi măng...) tại vị trí phù hợp để thuận tiện cho việc phối trộn, tránh bố trí phân tán, tràn lan trên khắp công trường gây lãng phí nguyên vật liệu, cũng như việc khó quản lý gây ra tình trạng ô nhiễm môi trường.

- Sử dụng tỷ lệ nước phối trộn vật liệu vừa đủ, hạn chế rò rỉ nước ra ngoài môi trường, đồng thời tiết kiệm nguồn nước.

- Đối với nước thải từ hoạt động vệ sinh dụng cụ, thiết bị xây dựng, vệ sinh tay chân: Bố trí 2 - 3 thùng phuy 200 lít phục vụ vệ sinh máy móc, thiết bị, sau đó nước này được tận dụng cho công tác phối trộn vật liệu xây dựng hoặc đập bụi, không xả thải ra môi trường.

- Nước thải phát sinh từ hoạt động rửa xe tại cầu rửa xe tạm thời sẽ được tập hợp tại hồ thu nước (đặt ngay gần khu cầu rửa máy móc) để lắng, tách dầu mỡ sau đó được tuần hoàn sử dụng lại phục vụ quá trình rửa xe hoặc làm nước tưới đường đập bụi, không thải ra môi trường. Bố trí 01 bể tách dầu 02 bậc thể tích 06 m³ để tách dầu.

* Nước mưa chảy tràn:

- Vạch tuyến phân vùng thoát nước mưa trong và xung quanh khu vực thi công theo độ hướng thoát nước thiết kế theo hướng dốc về phía Tây của dự án về kênh hiện trạng để thuận tiện cho việc thoát nước.

- Các tuyến thoát nước tạm thời phải đảm bảo tiêu thoát triệt để, không gây úng ngập trong suốt quá trình xây dựng và không làm ảnh hưởng đến khả năng thoát nước của các khu vực bên ngoài dự án.

- Thường xuyên kiểm tra, nạo vét, khơi thông, không để phế thải xây dựng xâm nhập vào đường thoát nước gây tắc nghẽn.

4.1.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

Chủ dự án phối hợp với nhà thầu thi công áp dụng các biện pháp để hạn chế sự phát tán sang các khu vực xung quanh, tránh ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe công nhân lao động:

- Phun nước tưới ẩm đối với bề mặt khu vực thi công đào.

- Trang bị khẩu trang, găng tay, kính mắt,... cho những người làm việc tại các khu vực có khả năng phát sinh ô nhiễm không khí.

- Khảo sát chất lượng bề mặt đất để có các biện pháp xử lý nền móng phù hợp

- Thi công xử lý nền móng của công trình cần được quản lý, giám sát và thực thi một cách chặt chẽ ở tất cả các bước từ khảo sát, thiết kế biện pháp thi công, thi công tới xử lý các tình huống phát sinh khi thi công.

- Các phương tiện vận tải chở nguyên vật liệu chở đúng tải trọng đến nơi thi công phải có bạt che thùng xe để hạn chế nguyên vật liệu rơi vãi, hạn chế tối đa phát sinh bụi ra môi trường.

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trên địa bàn để đảm bảo an toàn giao thông khu vực; các phương tiện không chở quá tải, quá khổ gây mất an toàn giao thông;

- Sử dụng xe chuyên chở còn niên hạn sử dụng, được kiểm tra bảo dưỡng và kiểm định định kỳ đảm bảo an toàn kỹ thuật và môi trường theo quy định, không sử dụng xe hơi nới, xe hoán cải.

- Tại tuyến đường ra vào dự án đặc biệt là tại vị trí giao cắt được bố trí nhân viên túc trực để điều phối xe tải ra vào hợp lý, tránh gây ách tắc trên đường vận tải trong và ngoài dự án.

- Bố trí thời gian vận chuyển nguyên vật liệu hợp lý, tránh vận chuyển vào giờ cao điểm, cụ thể không vận chuyển trong các giờ: sáng từ 6h - 9h, chiều từ 16h - 21h tối.

- Tiến hành tưới nước thường xuyên cho các tuyến đường nội bộ nhà máy.

- + Mật độ tưới: 04 lần/ngày và tùy thuộc vào điều kiện thời tiết.

- + Lượng nước tiêu hao: 1lít/m²/lần tưới.

- Tất cả các thiết bị thi công đều được kiểm định theo quy định của Nhà sản xuất;

- Các máy móc, phương tiện tham gia thi công đều phải đạt tiêu chuẩn đăng kiểm về chất lượng khí thải theo TCVN 6438:2005 - Phương tiện giao thông đường bộ giới hạn lớn nhất cho phép của khí thải;

- Đề ra nội quy bảo vệ môi trường tại công trường và phổ biến cho tất cả các cán bộ, công nhân của nhà thầu phụ tham gia thi công tại công trường;

- Các loại máy thi công phải được kiểm tra, bảo dưỡng thường xuyên nhằm giảm lượng khí thải.

- Xây dựng kế hoạch và lịch trình thi công hợp lý phù hợp với các quy định về đảm bảo an toàn vệ sinh lao động, giảm mật độ các loại phương tiện thi công trong cùng một thời điểm.

- Đối với quá trình hàn thực hiện trong khu vực riêng biệt, chủ dự án bố trí tại khu vực khuất gió, cách xa khu vực dân cư, hạn chế phát tán khói hàn ra xung quanh.

4.1.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

4.1.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- * Chất thải rắn sinh hoạt:

- Bố trí khoảng 02 thùng đựng rác có nắp đậy kín loại 60 lít tại khu vực gần công trường xây dựng để thu gom, lưu chứa tạm thời rác thải sinh hoạt của công nhân xây dựng

- Bố trí 03 thùng đựng rác có nắp đậy kín loại 60 lít tại khu vực nhà điều hành, khu vực hành lang sân đường giao thông nội bộ thu gom, lưu chứa tạm thời rác thải sinh hoạt của toàn bộ nhà máy

Đơn vị thu gom rác tại địa phương thực hiện thu gom vận chuyển tới nơi xử lý theo quy định với tần suất 1 lần/ngày. Chủ dự án thực hiện nộp phí dịch vụ vệ sinh môi trường theo quy định tại địa phương.

- * Chất thải rắn xây dựng: Đối với chất thải rắn xây dựng thực hiện phân loại và tận dụng triệt để các loại phế liệu phục vụ cho chính hoạt động xây dựng dự án, cụ thể:

- Đối với chất thải rắn là sắt, thép, giấy, bìa carton, mẫu vụn kim loại, tôn và các vỏ bao bì kim loại khác... sẽ được thu gom bán cho đơn vị tái chế;

- Chất thải rắn là cốt pha, cọc gỗ các loại, gạch vỡ... sẽ được hợp đồng với đơn vị thu gom, xử lý, tần suất 1 tháng/lần.

- Đối với đất đá rơi vãi: Tất cả các xe phải có bạt che phủ không để đất đá thải rơi vãi. Bố trí phương tiện, nhân lực, dụng cụ (xẻng) trong việc thu gom đất, cát rơi vãi trong quá trình vận chuyển nguyên, vật liệu. Đất cát rơi vãi được thu gom sẽ được tận dụng đổ nền san lấp những khu vực trống trong khu vực dự án. Cam kết không đổ bừa bãi xuống các khu vực khác ngoài phạm vi dự án gây ảnh hưởng xấu đến môi trường.

- Khối lượng đất đào thi công các hạng mục công trình tại nhà máy và thi công tuyến ống phân phối nước sạch giai đoạn mở rộng:

+ Toàn bộ khối lượng đất đào thi công các hạng mục công trình tại nhà máy được tận dụng để đổ vào các khu vực trồng cây xanh, không thải bỏ (đều là đất đã san nền, tính chất đất tốt phù hợp cho quá trình trồng cây).

+ Toàn bộ khối lượng đất đào thi công tuyến ống phân phối nước sạch được tận dụng để đắp lại sau khi lắp đặt tuyến ống, không thải bỏ. Đồng thời quá trình thi công tuyến ống được thực hiện theo giai đoạn, theo thực tế khối lượng khách hàng đăng ký sử dụng nước, do đó thi công theo thời điểm, cục bộ và trải dài toàn bộ 06 xã.

- Chủ dự án xin cam kết, nếu có đất đá thừa cần phải thải bỏ, chủ dự án sẽ thực hiện đổ thải tại đúng vị trí bãi thải thôn Yên Ninh, xã Đông Lễ với diện tích 10.000m² theo đúng Biên bản thỏa thuận với UBND xã Đông Lễ (đính kèm tại hồ sơ).

4.1.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Đối với những sửa chữa nhỏ đột xuất có thể thực hiện ngay trên công trường tuy nhiên phải được quản lý chặt chẽ nhằm tránh để chất thải nguy hại phát tán ra môi trường đất trong khu vực thi công;

- Không được thực hiện các hoạt động sửa chữa các máy móc, thiết bị, phương tiện tại khu vực thi công (trừ trường hợp xảy ra sự cố ngay tại công trường). Tất cả các trường hợp bảo dưỡng đối với máy móc và phương tiện thi công phải được thực hiện tại các gara sửa chữa chuyên nghiệp;

- Bố trí 03 thùng phuy chứa dung tích 100 lít/thùng để thu gom, lưu trữ chất thải nguy hại. Mỗi thùng chứa chất thải nguy hại sẽ dán nhãn tên chất thải nguy hại, mã chất thải nguy hại. Các thùng chứa chất thải nguy hại sẽ được lưu chứa tại kho chứa chất thải nguy hại tạm thời diện tích 3m² trong khu vực công trường, nền xi măng, mái lợp tôn, cửa lưới thép, có biển cảnh báo. Thuê đơn vị có chức năng vận chuyển chất thải nguy hại mang đi xử lý theo đúng quy định của pháp luật, tần suất 1 lần khi kết thúc giai đoạn thi công xây dựng của dự án.

4.1.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Xây dựng kế hoạch thi công, sử dụng máy móc thiết bị, vận chuyển hợp lý về cả số lượng các loại máy móc, phương tiện và lộ trình di chuyển; không tập trung nhiều máy móc, phương tiện vận chuyển vào cùng một thời điểm, trên cùng một khu vực thi công, tránh cộng hưởng tiếng ồn, độ rung.

- Thường xuyên kiểm tra mức ồn, độ rung để có biện pháp giảm thiểu

kịp thời.

- Quá trình thi công sẽ tránh sử dụng máy móc thiết bị có tiếng ồn, độ rung lớn vào các giờ “nhạy cảm”.

- Các phương tiện và máy thi công sẽ được định kỳ bảo dưỡng, thường xuyên bôi trơn dầu mỡ, được kiểm định và có giấy phép lưu hành.

- Hạn chế bóp còi xe và giảm tốc độ xe khi đi qua các khu vực đông dân cư và trong phạm vi công trường.

- Không sử dụng các thiết bị có độ rung lớn cùng một lúc để tránh hiện tượng cộng hưởng.

- Chống rung tại nguồn:

- + Biện pháp công nghệ: sử dụng vật liệu phi kim loại, thay đổi tải làm việc.

- Chống rung trên đường lan truyền:

- + Đối với các máy có độ rung lớn, trang bị các bộ đỡ đúng với công suất và trọng lượng của máy để độ rung gây ra không vượt quá mức quy chuẩn cho phép.

- + Sử dụng các kết cấu đàn hồi giảm rung như hộp dầu giảm chấn, gối đàn hồi kim loại, đệm đàn hồi kim loại, gối đàn hồi cao su, đệm đàn hồi cao su,... được lắp giữa máy và bộ máy để giảm rung chấn.

- Khi xảy ra hiện tượng sạt lở, sụt lún công trình phải tiến hành ngưng hoạt động, kiểm tra và tìm hiểu nguyên nhân để khắc phục trước khi tiếp tục thực hiện các công đoạn tiếp theo.

4.1.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

- Thực hiện các biện pháp nhằm giảm những tác động đến kinh tế - xã hội như: ban hành nội quy tại công trường, thành lập đội bảo vệ và kiên kết với dân phòng, công an địa phương để thắt chặt kiểm soát tình hình an ninh – xã hội trong khu vực, thực hiện quy tắc an toàn lao động,...

- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó các sự cố môi trường, các sự cố khác có thể xảy ra như: sự cố chảy nổ; sự cố tai nạn lao động; tai nạn giao thông, sự cố từ quá trình thi công tuyến ống truyền tải, phân phối nước, sự cố thất thoát và rò rỉ trong đường ống nước thô và đường ống cấp nước hiện trạng, sự cố trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước hiện trạng, sự cố rò rỉ hóa chất,...

- Thực hiện các biện pháp giúp giảm tác động của các hoạt động thi công tới nhà máy hiện hữu và khu vực xung quanh như: thông báo cho khu vực xung quanh về thời gian, hạng mục, tuyến đường thi công, thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường cũng như hạn chế thi công vào thời gian nghỉ ngơi của công nhân,...

4.2. Giai đoạn vận hành

4.2.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.2.1.1. Đối với nước thải

- Đối với nước thải sinh hoạt: Xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt hiện trạng của nhà máy: nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý qua bể tự hoại cải tiến 3 ngăn bastaf có dung tích 5m³ và được lưu chứa tại ngăn cuối cùng và định kỳ 6 tháng/lần, chủ dự án thuê đơn vị có chức năng đến hút đem đi xử lý.

- Đối với nước thải sản xuất:

+ Nước thải từ quá trình rửa lọc và nước xả cặn bể lắng tại cụm bể phản ứng và bể lọc sẽ được thu gom về hố thu bùn. Tại hố thu bùn, nước được lắng trong trên bề mặt được bơm hồi lưu về cụm xử lý của hệ thống để tiếp tục xử lý. Bùn lắng xuống sẽ được bơm trực tiếp lên sân phơi bùn.

+ Nước từ sân phơi bùn được thu quay lại hố thu bùn; bùn đóng tập kết tại sân phơi bùn và chuyên giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo định kỳ.

+ Nước thải từ quá trình súc rửa đường ống (không sử dụng hoá chất để súc rửa): lượng nước này được xả vào các kênh tiêu thoát nước tại các điểm thấp nhất trên mạng lưới; không sử dụng hóa chất tẩy rửa trong quá trình súc rửa đường ống, nước thải đảm bảo QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, được thải vào mương thoát nước của khu vực thôn Hưng Đạo, xã Đông Lỗ.

4.2.1.2. Đối với nước mưa chảy tràn

- Hệ thống thoát nước thiết kế cho dự án là hệ thống thoát nước riêng nước mưa và nước thải. Hệ thống thoát nước theo chế độ tự chảy. Nước mưa được thu gom vào hệ thống thoát nước mưa trong dự án sau đó thoát ra mương tiêu hiện trạng phía Tây.

- Nước trong khu vực khuôn viên cây xanh và sân đường phí trước được thu vào các tuyến rãnh B400 độ dốc 2,5%. Dọc theo tuyến bố trí các hố ga thu nước mặt với cự ly trung bình 30m/hố.

- Nước mưa trên mái nhà được thu vào các ống đứng có đường kính DN110 nước mưa dẫn xuống tầng 1 thoát ra cùng hệ thống ga rãnh thoát nước B400 sân nhà, sau đó thoát ra mương thoát nước phía Tây dự án.

- Đối với sân phơi bùn: bố trí các ống thu nước đưa nước thừa về hồ chứa bùn. Vào các ngày mưa lớn kéo dài, cần thiết dùng vải bạt phủ trên bề mặt sân phơi bùn, hạn chế nước mưa xâm nhập, làm quá tải hệ thống. Ngoài ra, để hạn chế nước mưa chảy tràn từ mặt bằng nhà máy vào sân phơi bùn, dùng bao cát chắn quanh sân phơi bùn để nước mưa không chảy vào.

- Khu vực khuôn viên nhà máy cấp nước, trạm tăng áp cũng được công nhân thường xuyên quét dọn hàm lượng bụi trên mặt bằng, thu gom rác đúng quy định, không để nước mưa cuốn vào gây ô nhiễm nước mặt.

- Định kỳ kiểm tra hệ thống thoát nước, phát hiện hỏng hóc để có kế hoạch sửa chữa thay thế kịp thời.

- Trong quá trình hoạt động của nhà máy sẽ bố trí định kỳ thu gom cặn lắng tại các hố ga (nạo vét định kỳ 6 tháng/lần).

4.2.1.3. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Bụi, khí thải từ phương tiện giao thông:

+ Các phương tiện tham gia giao thông, phương tiện chuyên chở tuân thủ về vận tốc quy định;

+ Xe chở không vượt quá trọng tải của động cơ;

+ Bê tông hoá hoặc nhựa hóa các tuyến đường nội bộ trong Công ty;

+ Khu vực xe của công nhân viên được bố trí ngay giáp công để hạn chế phát sinh bụi trong khuôn viên. Khu vực để xe được quét dọn định kỳ, lổi ra vào thông thoáng;

+ Ngoài diện tích cây xanh đã có tại Nhà máy hiện hữu, tiến hành trồng thêm cây xanh tại diện tích đất cây xanh đảm bảo đúng Quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt nhằm giảm thiểu khả năng phát tán bụi, tạo môi trường trong lành trong phạm vi Nhà máy.

- Đối với khí thải từ máy phát điện dự phòng:

+ Sử dụng các máy phát điện động cơ diesel 4 kỳ có TURBO tăng áp và được trang bị bộ điều tốc điện tử. Máy phát được lựa chọn là loại kín, tự động kích từ không sử dụng chổi than, tự động điều chỉnh điện áp.

+ Tại khu vực để máy phát điện dự phòng có trang bị quạt thông gió nhằm đảm bảo tránh khả năng tích tụ khí thải ở nồng độ lớn có nguy cơ tác động đối với môi trường không khí và giảm thiểu nguy cơ cháy nổ.

+ Lắp đặt ống thoát khí theo đúng khuyến nghị của nhà sản xuất để đảm bảo các điều kiện về vận hành và bảo vệ môi trường

+ Máy phát điện được đặt trên bệ bê tông chắc chắn giữa có chèn lớp cao su đàn hồi nhằm giảm thiểu độ rung lan truyền đồng thời bảo vệ máy phát điện hoạt động được lâu dài.

- Đối với mùi phát sinh từ nhà hóa chất, khu tập kết rác và vệ sinh

+ Xây dựng kho chứa hóa chất kín, không để nước mưa xâm nhập làm hư hỏng và phát sinh mùi.

+ Thường xuyên vệ sinh khuôn viên nhà máy, khu tập kết rác thải và các nhà vệ sinh.

+ Chăm sóc và trồng thêm cây xanh bị chết để duy trì bầu không khí sạch trong nhà máy.

+ Bùn thải từ quá trình xử lý nước sau khi được phơi khô tiến hành thu gom mang đi xử lý ngay.

4.2.2. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn.

4.2.2.1. Đối với chất thải rắn sinh hoạt

- Bố trí 03 thùng đựng rác có nắp đậy kín loại 60 lít tại khu vực nhà điều hành, khu vực hành lang sân đường giao thông nội bộ thu gom, lưu chứa tạm thời rác thải sinh hoạt của toàn bộ nhà máy.

- Đơn vị thu gom rác tại địa phương thực hiện thu gom vận chuyển tới nơi xử lý theo quy định với tần suất 1 lần/ngày. Chủ dự án thực hiện nộp phí dịch vụ vệ sinh môi trường theo quy định tại địa phương.

4.2.2.2. Đối với chất thải thông thường

- Vật liệu lọc: Thu gom bằng cách dùng hệ thống bơm hút tự động sau đó chuyển giao cho đơn vị chức năng thu gom xử lý.

- Bùn từ quá trình xử lý nước: Bùn từ quá trình xử lý nước: thu gom tại sân phơi bùn của nhà máy, sau khi bùn được làm khô đạt độ ẩm khoảng 25 – 30% sẽ

được thu gom và giao cho đơn vị chức năng để xử lý theo quy định.

- Bùn phát sinh từ bể tự hoại định kỳ 2 năm/lần chủ dự án thực hiện thuê đơn vị chức năng thu gom xử lý theo quy định.

Công ty đã thực hiện ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo quy định.

4.2.2.3. Đối với chất thải nguy hại

- Chất thải nguy hại được thu gom và lưu chứa kho chứa chất thải nguy hại được bố trí bên trong nhà kho hoá chất với diện tích khoảng 15m². Kết cấu: bê tông cốt thép, xoa nền hoàn thiện; Tường bao xây gạch, có bố trí quạt thông gió và đèn chiếu sáng; Thiết bị PCCC theo đúng quy định; Phân ngăn ô cho từng loại chất thải, bố trí 04 thùng chứa có nắp đậy với dung tích 60 lít/thùng và dán biển phân loại theo từng mã chất thải nguy hại; Có rãnh thu gom, thoát nước bê tông cốt thép.

- Chuyển giao: định kỳ 6 tháng/lần được chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý.

Công ty đã thực hiện ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

4.2.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Lắp đặt đệm cao su, lò xo chống rung đối với các thiết bị, máy móc;
- Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt; kiểm tra độ mài mòn của các chi tiết và cho dầu bôi trơn theo định kỳ;
- Đầu tư thiết bị, máy móc hiện đại;
- Công nhân làm việc liên tục tại các công đoạn có tiếng ồn được trang bị nút tai chuyên dụng để giảm tác động của tiếng ồn.

- Thường xuyên bảo dưỡng thiết bị máy móc, công cụ bôi trơn và các chi tiết chuyển động như: trục quay, ổ bi, ... giảm thấp nhất mức ồn, độ rung gây ảnh hưởng trực tiếp tới người lao động; Thay thế phụ tùng thiết bị đúng hướng dẫn và đúng quy trình của nhà sản xuất.

- Khi sử dụng máy phát điện nên được đặt trên bệ, đặt tại vị trí xa khu nhà văn phòng và khu vực nghỉ ngơi của công nhân.

- Trồng cây xanh đảm bảo đủ diện tích cây xanh đã được phê duyệt trong quy hoạch tổng mặt bằng của dự án.

4.2.4. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó rủi ro, sự cố

- Thực hiện các biện pháp nhằm giảm thiểu tác động từ quá trình khai thác nước đối với trữ lượng nước khu vực và các đối tượng có nhu cầu về nước mặt và hệ sinh thái sông Cầu như: khai thác đúng trữ lượng đã được cấp phép; điều tiết lưu lượng lấy nước theo mùa, tránh trường hợp tận thu, thường xuyên theo dõi điều kiện thủy văn của khu vực và thiết lập vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động do các sự cố như: tai nạn lao động; sự cố hóa chất; sự cố chập điện, cháy nổ, hỏng hóc máy móc; sự cố thất

thoát và rò rỉ ống nước thô, sự cố trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước.

- Về giảm thiểu những tác động tới nền kinh tế - xã hội, nhà máy thực hiện những biện pháp như: nghiêm cấm người uống rượu bia, không bằng lái điều khiển phương tiện cơ giới, ưu tiên tuyển lao động địa phương, tuyên truyền lối sống giáo dục lành mạnh cho cán bộ công nhân viên.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

5.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

5.1.1. Chất thải rắn sinh hoạt

- Vị trí giám sát: Khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt.
- Thông số giám sát: Thành phần, khối lượng chất thải, công tác thu gom, quản lý chất thải.

- Tần suất giám sát: Hàng ngày.

- Thực hiện quản lý chất thải phát sinh theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10/01/2022, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

5.1.2. Chất thải rắn thi công

- Vị trí giám sát: Chỗ tập kết chất thải rắn thi công

- Thông số giám sát: Thành phần, lượng thải, công tác thu gom quản lý chất thải.

- Tần suất giám sát: Hàng ngày

- Thực hiện quản lý chất thải phát sinh theo quy định của Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16 tháng 05 năm 2017 của Bộ Xây dựng về Quản lý chất thải rắn xây dựng.

5.1.3. Chất thải rắn nguy hại

- Vị trí giám sát: khu vực lưu giữ CTNH.

- Thông số giám sát: Giám sát khối lượng, chủng loại CTNH phát sinh, giám sát việc phân định, phân loại, chuyển giao CTNH theo đúng quy định.

- Tần suất giám sát: Hàng ngày.

- Thực hiện quản lý chất thải phát sinh theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

5.2. Giai đoạn vận hành

Dự án không phát sinh khí thải sản xuất, nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 0,225 m³/ngày; nước thải súc rửa đường ống phát sinh khoảng 120-160 m³/lần (2-3 lần/năm), không thuộc đối tượng phải quan trắc môi trường định kỳ theo quy định tại Điều 97, 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động, chủ dự án thực hiện giám sát thường xuyên đảm bảo không xả chất thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện

hành trước khi thải ra môi trường, cụ thể

5.2.1. Nước thải phát sinh từ dự án

- Toàn bộ nước thải của dự án phát sinh khoảng 0,225 m³/ngày, được xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt hiện trạng của nhà máy: nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý qua bể tự hoại cải tiến 3 ngăn bastaf có dung tích 5m³ và được lưu chứa tại ngăn cuối cùng và định kỳ 6 tháng/lần, chủ dự án thuê đơn vị có chức năng đến hút đem đi xử lý.

- Đơn vị quản lý thực hiện theo dõi, giám sát thường xuyên đường ống thu gom nước thải, hoạt động của Bể tự hoại

5.2.2. Chất thải rắn thông thường

- Tại khu vực tập trung rác thải.

- Thông số giám sát: Khối lượng, thành phần, biện pháp thu gom, xử lý.

- Tần suất: Hàng ngày

- Thực hiện quản lý chất thải phát sinh theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

5.2.3. Chất thải nguy hại

- Tại khu vực lưu giữ CTNH.

- Thông số giám sát: Chung loại và khối lượng CTNH.

- Tần suất: hàng ngày.

- Thực hiện quản lý chất thải phát sinh theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường

5.2.4. Các sự cố

- Vị trí giám sát: trạm bơm, đường ống nước thô, khu vực nhà máy xử lý (hồ lắng, bể chứa nước sạch, bơm...).

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần hoặc khi có sự cố hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường.

- Thông số giám sát: Giám sát công tác an toàn lao động, công tác phòng cháy chữa cháy, sự cố vỡ hồ lắng, bể nước sạch, đường ống trong quá trình vận hành.

5.2.3. Chất lượng nước đầu vào và đầu ra hệ thống xử lý nước cấp

Thực hiện theo hồ sơ xin phép khai thác nước mặt được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6. Những yêu cầu đối với Chủ dự án

- Thực hiện trách nhiệm của chủ dự án đầu tư theo quy định tại Điều 37 Luật bảo vệ môi trường năm 2020, Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và các quy định khác về trách nhiệm của chủ dự án sau khi báo cáo ĐTM được phê duyệt kết quả thẩm định trước khi đưa dự án vào hoạt

động chính thức theo quy định.

- Thực hiện đúng các giải pháp bảo vệ môi trường đã nêu trong báo cáo ĐTM được phê duyệt kết quả thẩm định, tổ chức thu gom, xử lý toàn bộ các loại chất thải thi công, xây dựng.

- Cam kết kiểm soát các nguồn thải phát sinh (bụi, khí thải, nước thải, tiếng ồn) đảm bảo không gây ô nhiễm, ảnh hưởng tới môi trường và các đối tượng xung quanh.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về ứng cứu sự cố và các quy định khác của pháp luật trong toàn bộ các hoạt động của dự án.

- Trong quá trình thực hiện, nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo ĐTM đã được phê duyệt kết quả thẩm định, chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 818/TTr-TNMT ngày 18/12/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.